

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ
giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông

thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 và các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ X (nhiệm kỳ 2010 - 2015) và Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 08 tháng 4 năm 2011 (Hội nghị lần thứ 4) của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X (nhiệm kỳ 2010 - 2015);

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ 5 năm 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Chương trình này để xây dựng các đề án, kế hoạch cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện và thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Về xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn năm 2010 - 2015 và sau năm 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái; gắn phát triển nông nghiệp với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội vững chắc, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa huyện và thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

Phấn đấu đến năm 2017, cả 06 xã của huyện phải đạt chuẩn quốc gia về xã nông thôn mới; trong đó:

- Đến chậm nhất cuối năm 2011, phấn đấu hoàn thành tiêu chí về quy hoạch của 06/6 xã.

- Đến năm 2012, có 01 xã (Lý Nhơn) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); 02 xã Bình Khánh và Tam Thôn Hiệp đạt ít nhất từ 8 - 10 tiêu chí xã nông thôn mới.

- Đến năm 2015, phấn đấu 02 xã Bình Khánh và Tam Thôn Hiệp đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (hoàn thành 19/19 tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); 03 xã còn lại Long Hòa, An Thới Đông và Thạnh An đạt ít nhất 12 - 15 tiêu chí xã nông thôn mới.

- Đến năm 2017, 03 xã Long Hòa, An Thới Đông và Thạnh An đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (hoàn thành 19/19 tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

II. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

Chương trình về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng; do đó phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau đây:

1. Về quy hoạch nông thôn mới:

1.1. Mục tiêu: hoàn thành đạt yêu cầu tiêu chí số 1 của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Chậm nhất đến cuối năm 2011, phấn đấu cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn 06/6 xã của huyện làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn mới, và làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015.

1.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: Lập quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn các xã.

- Nhiệm vụ 2: Lập quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

1.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã thực hiện nhiệm vụ 1.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 2.

- Các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh các nội dung các loại quy hoạch trên.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức lập quy hoạch, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu các tiêu chí 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

2.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ

thống giao thông trên địa bàn nội xã. Đến năm 2015, có 80% đường giao thông được bê tông hóa, láng nhựa hoặc bê tông nhựa nóng; Đến năm 2017, phần đầu 100% hệ thống giao thông đạt chuẩn. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng đáp ứng nhu cầu vận chuyển vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp.

- Nhiệm vụ 2: cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã đạt chuẩn. Phần đầu đến năm 2015, hệ thống thủy lợi đáp ứng cơ bản yêu cầu sản xuất của vùng nuôi thủy sản 04 xã phía Bắc Cần Giờ.

- Nhiệm vụ 3: hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã theo yêu cầu an toàn của ngành điện. Đến năm 2015, 100% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn.

- Nhiệm vụ 4: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2015, 70% số trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và đến năm 2017 nâng lên 100% trường đạt tiêu chí quốc về cơ sở vật chất.

- Nhiệm vụ 5: hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã. Đến năm 2015, có 03 xã có Nhà văn hóa xã, áp đạt chuẩn; đến năm 2017 có 06/6 xã (100%) đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 6: hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã, phần đầu duy trì cơ sở vật chất 06/6 xã đạt chuẩn về y tế.

- Nhiệm vụ 7: hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ. Phần đầu đến năm 2015, 06/6 xã đạt chuẩn về cơ sở vật chất trụ sở xã.

- Nhiệm vụ 8: cải tạo xây mới chợ trên địa bàn xã theo quy hoạch; Phần đầu đến năm 2015, 100% chợ nông thôn trên địa bàn xã đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 9: tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin kèm theo chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia; Phần đầu đến năm 2015, 100% hộ gia đình nông thôn có điện thoại (cố định hoặc di động); 100% các xã và trên 80% số ấp được kết nối và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính vào năm 2017.

- Nhiệm vụ 10: kiên cố hóa nhà ở phù hợp với địa bàn nông thôn; Phần đầu đến năm 2015, cơ bản không còn nhà ở tạm trên địa bàn các xã, nhà kiên cố đạt 85%; Đến năm 2017, nâng tỷ lệ nhà kiên cố đạt ít nhất 90% trên địa bàn các xã.

2.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Quản lý đô thị hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 1, 3, 7, 9, 10.

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 2, 8.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 4.
- Phòng Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 5.
- Phòng Y tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 6.
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch lộ trình thực hiện.

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo:

3.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu các tiêu chí 10, 11, 12; Phấn đấu đến năm 2015, có ít nhất 03 xã đạt các tiêu chí trên và đến năm 2017, có 06/6 xã đều đạt tiêu chí.

3.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao.
- Nhiệm vụ 2: tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư - diêm nghiệp.
- Nhiệm vụ 3: cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất thủy sản, nông nghiệp, diêm nghiệp.
- Nhiệm vụ 4: bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “Mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của từng địa phương.
- Nhiệm vụ 5: đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.
- Nhiệm vụ 6: triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện đạt kết quả lộ trình giảm hộ nghèo của huyện giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015; Phấn đấu đến năm 2017, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập hiện nay.
- Nhiệm vụ 7: thực hiện lồng ghép các chương trình an sinh xã hội, chăm lo đời sống nông dân, đặc biệt là đối tượng có thu nhập thấp.

3.3. Phân công quản lý và thực hiện:

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 5.
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ 6, 7.
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch và lộ trình tổ chức thực hiện.

4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

4.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2015, có 03/3 xã đạt tiêu chí và đến năm 2017, có 06/6 xã đạt tiêu chí này.

4.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã tại địa bàn sản xuất các xã.

- Nhiệm vụ 2: khuyến khích tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

- Nhiệm vụ 3: xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn (cung ứng vật tư nông nghiệp, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

4.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp các ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án thực hiện nhiệm vụ 1, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tổ chức thực hiện.

5. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

5.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2015, có 03 xã đạt chuẩn và đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn theo quy định.

5.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: triển khai đạt kết quả chương trình phát triển giáo dục - đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020.

- Nhiệm vụ 2: triển khai thực hiện đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015.

5.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chương trình và đề án.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng các chỉ tiêu nhiệm vụ và tổ chức thực hiện.

6. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư nông thôn:

6.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu duy trì 06/6 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

6.2. Nhiệm vụ: tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực y tế đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

6.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Y tế chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng và Bệnh viện Cần Giờ hướng dẫn thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

7. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

7.1. Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2015, có 06/6 xã (100%) có Nhà văn hóa xã, ấp và đều có bưu điện, điểm Internet đạt chuẩn.

7.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tiếp tục triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới.

- Nhiệm vụ 2: thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới.

7.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

8. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

8.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở, các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã. Phần đầu đến năm 2015, có 03 xã đạt chuẩn, đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn.

8.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Nhiệm vụ 2: xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, áp theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư, hệ thống cung cấp nước sạch; xây dựng các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn ở các xã; chỉnh trang nâng cấp nghĩa trang; cải tạo xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- Nhiệm vụ 3: quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ... đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

8.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Kinh tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 1.

- Phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 2.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 3.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

9. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị xã hội:

9.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2015, có ít nhất 04/6 xã đạt chuẩn, đến năm 2017, có 06/6 xã đạt chuẩn.

9.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nhiệm vụ 2: tạo điều kiện cho cán bộ trẻ được đào tạo chính quy, đã tiêu chuẩn về công tác ở xã, đặc biệt ở các xã khó khăn, xã có cán bộ thiếu hoặc khó đạt chuẩn.

- Nhiệm vụ 3: nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, công tác vận động quần chúng, đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

9.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Phòng Nội vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nhiệm vụ 1, 3 và tổ chức thực hiện.

10. Giữ vững an ninh trật tự xã hội nông thôn:

10.1. Mục tiêu: thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phần đầu năm 2015 có 06/6 xã (100%) đạt chuẩn.

10.2. Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1: ban hành nội quy, quy ước ấp, khu dân cư về trật tự, an ninh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

- Nhiệm vụ 2: thực hiện chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu của xã nông thôn mới.

10.3. Phân công quản lý, thực hiện:

- Công an huyện chủ trì hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng nông thôn mới:

- Tổ chức phát động, tuyên truyền phổ biến, vận động từ huyện đến cơ sở để mọi tầng lớp nhân dân hiểu và cả hệ thống chính trị tham gia.

- Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trong toàn huyện, toàn xã. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành một nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ chế huy động vốn:

Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình, trong đó:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn.

- Huy động tối đa các nguồn lực của địa phương (thành phố, huyện, xã) để tổ chức thực hiện chương trình.

- Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- Huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng (bao gồm tín dụng thương mại, tín dụng hội đoàn).

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Thực hiện đúng các nguyên tắc về cơ chế hỗ trợ vốn đầu tư, cơ chế đầu tư, theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Cụ thể như sau:

- Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách cho: công tác quy hoạch, đường giao thông đến Trung tâm xã, xây dựng Trụ sở xã, xây dựng Trường học đạt chuẩn, xây dựng Trạm Y tế xã, xây dựng Nhà văn hóa xã, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, kinh phí cho công tác đào tạo, kiến thức xây dựng nông thôn mới, cán bộ Hợp tác xã.

+ Hỗ trợ một phần kinh phí từ Ngân sách cho: các công trình thoát nước thải khu dân cư, giao thông tổ, ấp, nội đồng; kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; tụ điểm văn hóa ấp; công trình thể thao ấp; hạ tầng các khu tập trung, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

+ Mức hỗ trợ từ ngân sách: căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của từng xã để bố trí phù hợp với Chương trình hành động số 43-Ctr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã có điều kiện khó khăn về khả năng huy động vốn.

- Về cơ chế đầu tư:

+ Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, ấp, tổ có thời gian thực hiện dưới 02 năm hoặc giá trị công trình đến 3 tỷ đồng, chỉ cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, trong đó chỉ nêu rõ tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán. Đối với công trình có giá trị trên 3 tỷ đồng hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, thì việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải có đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành. Trong

quá trình chuẩn bị đầu tư cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

+ Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao.

+ Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách.

+ Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 03 hình thức:

Một là: giao các cộng đồng dân cư ấp, tổ (những người hưởng lợi trực tiếp từ công trình) tự thực hiện xây dựng.

Hai là: lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng.

Ba là: lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu theo quy định hiện hành.

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng. Ban Giám sát cộng đồng gồm đại diện của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình do dân bầu giám sát các công trình hạ tầng xã theo quy định hiện hành và giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình nông thôn mới cấp huyện và thành lập các Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các xã để chỉ đạo tổ chức thực hiện xuyên suốt.

5. Chủ động đề xuất các chính sách, cơ chế thực hiện tạo điều kiện, thúc đẩy nhanh lộ trình thực hiện các tiêu chí khó khăn đặc thù do mức xuất phát điểm thấp đối với các xã của huyện.

IV. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Trách nhiệm của các phòng, ban cấp huyện:

- Các phòng, ban cấp huyện được phân công thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình tại Mục II chịu trách nhiệm về xây dựng kế hoạch, chính sách, giải pháp để

hướng dẫn các xã xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo, thực hiện ở cơ sở.

- Phòng Kinh tế huyện là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2010 - 2015.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện cân đối nguồn lực đầu tư thực hiện chương trình.

- Thành lập Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, thành phần gồm cán bộ kiêm nhiệm có trình độ, năng lực, am hiểu về xây dựng nông thôn mới của các đơn vị Phòng Kinh tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý Đô thị, văn phòng làm việc đặt tại Phòng Kinh tế.

2. Trách nhiệm của các xã:

- Thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã.

- Tổ chức triển khai xây dựng đề án nông thôn mới trình phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Đề xuất phương án huy động vốn từ các thành phần kinh tế, nhân dân tham gia thực hiện chương trình.

- Phân công, điều hành hoạt động của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các địa phương này.

3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đầu tư huyện, xã vào thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt mục tiêu của chương trình.

4. Thực hiện chế độ giao ban, sơ kết, kiểm tra đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện chương trình theo định kỳ tháng, quý, 06 tháng, năm theo từng nội dung.

Trên đây là chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015 và sau năm 2015, Thủ trưởng các ngành, các cấp triển khai thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN CÀN GIỜ ĐẾN NĂM 2017**

| TT | Hạng mục | Nội dung | Chỉ tiêu chung | | Chỉ tiêu năm 2011 | Chỉ tiêu năm 2012 | Chỉ tiêu năm 2015 | Chỉ tiêu năm 2017 |
|----|----------------------------------|--|----------------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | | Cả nước | Đông Nam Bộ | | | | |
| 1 | Quy hoạch và thực hiện quy hoạch | 1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT: (%) | | 100 | | Đạt 1 xã | 80 % | 100 % |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT: (%) | 70 | 100 | | Đạt 1 xã | 80 % | 100 % |
| | | 2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: (%) | 100 | 100 | | Đạt 1 xã | 80 % | 100 % |
| | | 2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: (%) | 65 | 100 | | Đạt 1 xã | 80 % | 100 % |
| | | 2.5. Các nội dung khác liên quan | | | | Đạt 1 xã | | |

| TT | Hạng mục | Nội dung | Chỉ tiêu chung | | Chỉ tiêu năm 2011 | Chỉ tiêu năm 2012 | Chỉ tiêu năm 2015 | Chỉ tiêu năm 2017 |
|----|------------------------|--|----------------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| | | | Cả nước | Đông Nam Bộ | | | | |
| 3 | Thủy lợi | 3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt | |
| | | 3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa: (%) | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt | |
| | | 3.3. Các nội dung khác liên quan | | | | Đạt 1 xã | | |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt | |
| | | 4.2. Tỷ lệ Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (%) | 98 | 99 | | Đạt 1 xã | 100 % | |
| 5 | Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%) | 80 | 100 | | Đạt 1 xã | 70 % | 100 % |
| 6 | Cơ sở vật chất văn hóa | 6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH - TT - DL | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| | | 6.2. Tỷ lệ % thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 7 | Chợ nông thôn | Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | 100 % | |
| 8 | Bưu điện | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông | Có | Có | | 100 % | 100 % | |
| | | 8.2. Có Internet đến thôn | Có | Có | | 100 % | | 100 % xã > 80% ấp |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Nhà tạm, dột nát (%) | Không | Không | | Đạt 1 xã | 100 % | |

| TT | Hạng mục | Nội dung | Chỉ tiêu chung | | Chỉ tiêu năm 2011 | Chỉ tiêu năm 2012 | Chỉ tiêu năm 2015 | Chỉ tiêu năm 2017 |
|----|----------------------------|--|----------------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| | | | Cả nước | Đông Nam Bộ | | | | |
| | | 9.2. Nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | 85 % | > 90 % |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của 5 huyện ngoại thành (lần) | 1.4 | 1.5 | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 11 | Hộ nghèo | Tỷ lệ hộ nghèo (%) | < 6 | < 3 | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | +Đạt - 6 xã +Không còn hộ nghèo |
| 12 | Cơ cấu lao động | Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp | < 30% | 20 % | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 13 | Hình thức tổ chức sản xuất | Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả | Có | Có | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 14 | Giáo dục | 14.1. Phổ cập giáo dục trung học | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 14.2. Tỷ lệ % học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) | 85 % | 90 % | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%) | > 35 % | > 40 % | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 15 | Y tế | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế (%) | 30 % | 40 % | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 16 | Văn hóa | Xã có từ 70% số thôn, ấp trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt | |

| TT | Hạng mục | Nội dung | Chỉ tiêu chung | | Chỉ tiêu năm 2011 | Chỉ tiêu năm 2012 | Chỉ tiêu năm 2015 | Chỉ tiêu năm 2017 |
|----|---|--|----------------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | | | Cả nước | Đông Nam Bộ | | | | |
| 17 | Môi trường | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%) | 85 | 90 | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 17.2 Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp | Đạt | Đạt | | Đạt - 2 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| | | 17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| | | 17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định | Đạt | Đạt | | Đạt 1 xã | Đạt - 3 xã | Đạt - 6 xã |
| 18 | Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh | 18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn | Đạt | Đạt | | Đạt 3 xã | Đạt - 6 xã | |
| | | 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. | Đạt | Đạt | | Đạt 3 xã | Đạt - 6 xã | |
| | | 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” | Đạt | Đạt | | Đạt 3 xã | Đạt - 6 xã | |
| | | 18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên | Đạt | Đạt | | Đạt 3 xã | Đạt - 6 xã | |
| 19 | An ninh, trật tự xã hội | An ninh, trật tự xã hội được giữ vững | Đạt | Đạt | | Đạt 3 xã | Đạt - 4 xã | Đạt - 6 xã |